

Biểu số 03

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG

(Kèm theo Báo cáo số 20/BC-BKTXH ngày 17 tháng 4 năm 2025 của ban KTXH, HĐND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Vốn NSTW		Tăng	Giảm		
	TỔNG SỐ		253.123,0	239.740,4	239.740,4	3.347,0	3.347,0	239.740,4	
A	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới		25.000,0	25.000,0	25.000,0		1.053,0	23.947,0	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.		25.000,0	25.000,0	25.000,0		1.053,0	23.947,0	
*	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất		25.000,0	25.000,0	25.000,0		1.053,0	23.947,0	
1	Đường giao thông bản Bông Ban + bản Bàng Sắn	99/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	6.000,0	6.000,0	6.000,0		282,0	5.718,0	Thừa vốn
2	Đường giao thông Hới Nọ	100/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	5.100,0	5.100,0	5.100,0		165,0	4.935,0	Thừa vốn
3	Đường giao thông bản Ngựa	101/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	6.000,0	6.000,0	6.000,0		114,0	5.886,0	Thừa vốn
4	Nâng cấp thủy lợi bản Có - bản Lạ	102/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.900,0	1.900,0	1.900,0		95,0	1.805,0	Thừa vốn
5	Đường giao thông bản Cuông + bản Giảng	103/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	3.200,0	3.200,0	3.200,0		126,0	3.074,0	Thừa vốn
6	Đường giao thông bản Cang	104/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	2.800,0	2.800,0	2.800,0		271,0	2.529,0	Thừa vốn
B	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi		228.123,0	214.740,4	214.740,4	3.347,0	2.294,0	215.793,4	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Vốn NSTW		Tăng	Giảm		
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		149.631,0	139.791,0	139.791,0	2.553,0	1.654,0	140.690,0	
*	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất		149.631,0	139.791,0	139.791,0	2.553,0	1.654,0	140.690,0	
1	Thủy lợi bản Kệt xã Quài Cang	194/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	2.600,0	2.415,0	2.415,0		115,0	2.300,0	Thừa vốn
2	Đường Huổi Khạ - Pú Piến xã Mường Mùn (giai đoạn 2)	179/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	6.000,0	5.700,0	5.700,0		53,0	5.647,0	Thừa vốn
3	Đường + Ngầm bản Co Đứa xã Mường Khong	196/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	6.000,0	5.348,2	5.348,2		60,0	5.288,2	Thừa vốn
4	Đường + ngầm bản Khong Nưa xã Mường Khong	178/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.000,0	3.797,8	3.797,8		30,0	3.767,8	Thừa vốn
5	Đường vào bản Há Dừa xã Tênh Phong (GD2)	177/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	5.500,0	4.890,0	4.890,0		128,0	4.762,0	Thừa vốn
6	Đường từ ngã ba đi Nà Đẳng - bản Trạm Cù xã Ta Ma	182/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	13.000,0	12.020,0	12.020,0		236,0	11.784,0	Thừa vốn
7	Đường từ TT xã Pú Xi - bản Pú Xi 2	183/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.100,0	8.776,0	8.776,0		335,0	8.441,0	Thừa vốn
8	Đường từ bản Hua Múc III đi bản Thảm Táng xã Pú Xi (Giai đoạn 1)	184/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	14.900,0	13.984,0	13.984,0		20,0	13.964,0	Thừa vốn
9	Trường THCS Quài Nưa	20/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	5.000,0	4.750,0	4.750,0		171,0	4.579,0	Thừa vốn
10	Đường bản Nậm Bay xã Nà Tông	21/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	3.286,0	3.122,0	3.122,0		215,0	2.907,0	Thừa vốn

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Vốn NSTW		Tăng	Giảm		
11	Đường bản Huổi Lóng + bãi rác xã Mùn Chung	115/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	1.100,0	1.045,0	1.045,0		15,0	1.030,0	Thừa vốn
12	Nước sinh hoạt bản Chu Lú	105/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	2.900,0	2.900,0	2.900,0		197,0	2.703,0	Thừa vốn
13	Nhà văn hóa xã Pú Xi	106/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	3.500,0	3.500,0	3.500,0		19,0	3.481,0	Thừa vốn
14	Đường từ bản Nôm đi bản Hua Nạ	180/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	13.545,0	12.868,0	12.868,0	458,0		13.326,0	Thiếu vốn
15	Đường từ bản Chăn đi bản Hua Chăn xã Chiềng Đông	181/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	14.900,0	13.365,0	13.365,0	373,0		13.738,0	Thiếu vốn
16	Đường bản ly Xôm xã Chiềng Sinh	19/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	2.500,0	2.375,0	2.375,0	85,0		2.460,0	Thiếu vốn
17	Nhà văn hóa xã Pú Nhung	111/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.600,0	2.850,0	2.850,0	750,0		3.600,0	Thiếu vốn
18	Nhà văn hóa xã Chiềng Sinh	110/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	3.600,0	3.420,0	3.420,0	160,0		3.580,0	Thiếu vốn
19	Nhà văn hóa bản Muông xã Mường Thín	114/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	1.900,0	1.805,0	1.805,0	62,0		1.867,0	Thiếu vốn
20	Kiên cố hóa các điểm trường mầm non Pá Tong, Co Phát, Co Muông - trường mầm non Sao Mai	109/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	7.000,0	6.650,0	6.650,0	293,0		6.943,0	Thiếu vốn
21	Nhà văn hóa xã Nà Tông	113/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.200,0	3.040,0	3.040,0	142,0		3.182,0	Thiếu vốn
22	Nhà văn hóa xã Rạng Đông	108/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	3.600,0	3.420,0	3.420,0	90,0		3.510,0	Thiếu vốn
23	Nhà văn hóa xã Ta Ma	116/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.000,0	2.850,0	2.850,0	140,0		2.990,0	Thiếu vốn
24	Đường vào khu dân cư Huổi Máu, xã Mường Khong	107/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	14.900,0	14.900,0	14.900,0		60,0	14.840,0	Thiếu vốn

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Vốn NSTW		Tăng	Giảm		
II	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		73.628,0	70.085,4	70.085,4	794,0	526,0	70.353,4	
*	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất		73.628,0	70.085,4	70.085,4	794,0	526,0	70.353,4	
1	Trường PTDTBT TH Nà Tông	189/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	14.900,0	14.155,0	14.155,0		252,0	13.903,0	Thừa vốn
2	Trường PTDTBT TH Nậm Dìn	185/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	14.900,0	14.155,0	14.155,0		274,0	13.881,0	Thừa vốn
3	Trường PTDT BT TH Bình Minh	188/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	14.028,0	13.326,0	13.326,0	323,0		13.649,0	Thiếu vốn
4	Trường PTDTBT THCS Ta Ma	187/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.900,0	14.155,0	14.155,0	400,0		14.555,0	Thiếu vốn
5	Trường PTDTBT THCS Phình Sáng	186/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.900,0	14.294,4	14.294,4	71,0		14.365,4	Thiếu vốn
III	Dự án 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		4.864,0	4.864,0	4.864,0	0,0	114,0	4.750,0	
*	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất		4.864,0	4.864,0	4.864,0	0,0	114,0	4.750,0	
1	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và phát triển du lịch cộng đồng bản Lồng, xã Tủa Tình	67/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	4.864,0	4.864,0	4.864,0		114,0	4.750,0	Thừa vốn

Biểu số 04

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2025 CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG

(Kèm theo Báo cáo số 20/BC-BKTXH ngày 17 tháng 4 năm 2025 của ban KTXH, HĐND huyện Tuần Giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Vốn NSTW		Tăng	Giảm		
	TỔNG SỐ		253.123,0	239.740,4	40.721,0	3.347,0	3.347,0	40.721,0	
A	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới		25.000,0	25.000,0	11.204,0	0,0	1.053,0	10.151,0	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.		25.000,0	25.000,0	11.204,0	0,0	1.053,0	10.151,0	
*	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất		25.000,0	25.000,0	11.204,0	0,0	1.053,0	10.151,0	
1	Đường giao thông bản Bông Ban + bản Bẳng Sắn	99/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	6.000,0	6.000,0	2.500,0		282,0	2.218,0	Thừa vốn
2	Đường giao thông Hới Nọ	100/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	5.100,0	5.100,0	2.600,0		165,0	2.435,0	Thừa vốn
3	Đường giao thông bản Ngúa	101/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	6.000,0	6.000,0	3.000,0		114,0	2.886,0	Thừa vốn
4	Nâng cấp thủy lợi bản Có - bản Lạ	102/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	1.900,0	1.900,0	95,0		95,0	0,0	Thừa vốn
5	Đường giao thông bản Cuông + bản Giảng	103/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	3.200,0	3.200,0	1.700,0		126,0	1.574,0	Thừa vốn
6	Đường giao thông bản Cang	104/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	2.800,0	2.800,0	1.309,0		271,0	1.038,0	Thừa vốn
B	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi		228.123,0	214.740,4	29.517,0	3.347,0	2.294,0	30.570,0	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Vốn NSTW		Tăng	Giảm		
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		149.631,0	139.791,0	25.460,6	2.553,0	1.654,0	26.359,6	
*	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất		149.631,0	139.791,0	25.460,6	2.553,0	1.654,0	26.359,6	
1	Thủy lợi bản Kệt xã Quài Cang	194/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	2.600,0	2.415,0	115,0		115,0	0,0	Thừa vốn
2	Đường Huổi Kha - Pú Piến xã Mường Mùn (giai đoạn 2)	179/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	6.000,0	5.700,0	53,0		53,0	0,0	Thừa vốn
3	Đường + Ngầm bản Co Đứa xã Mường Khong	196/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	6.000,0	5.348,2	60,0		60,0	0,0	Thừa vốn
4	Đường + ngầm bản Khong Nưa xã Mường Khong	178/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.000,0	3.797,8	30,0		30,0	0,0	Thừa vốn
5	Đường vào bản Há Dừa xã Tênh Phong (GĐ2)	177/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	5.500,0	4.890,0	128,0		128,0	0,0	Thừa vốn
6	Đường từ ngã ba đi Nà Đẳng - bản Trạm Cù xã Ta Ma	182/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	13.000,0	12.020,0	520,0		236,0	284,0	Thừa vốn
7	Đường từ TT xã Pú Xi - bản Pú Xi 2	183/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.100,0	8.776,0	776,0		335,0	441,0	Thừa vốn
8	Đường từ bản Hua Múc III đi bản Thảm Táng xã Pú Xi (Giai đoạn 1)	184/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	14.900,0	13.984,0	484,0		20,0	464,0	Thừa vốn
9	Trường THCS Quài Nưa	20/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	5.000,0	4.750,0	171,0		171,0	0,0	Thừa vốn
10	Đường bản Nậm Bay xã Nà Tông	21/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	3.286,0	3.122,0	215,0		215,0	0,0	Thừa vốn

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Vốn NSTW		Tăng	Giảm		
11	Đường bản Huổi Lóng + bãi rác xã Mùn Chung	115/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	1.100,0	1.045,0	45,0		15,0	30,0	Thừa vốn
12	Nước sinh hoạt bản Chu Lú	105/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	2.900,0	2.900,0	1.400,0		197,0	1.203,0	Thừa vốn
13	Nhà văn hóa xã Pú Xi	106/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	3.500,0	3.500,0	2.000,0		19,0	1.981,0	Thừa vốn
14	Đường từ bản Nôm đi bản Hua Nạ	180/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	13.545,0	12.868,0	2.868,0	458,0		3.326,0	Thiếu vốn
15	Đường từ bản Chăn đi bản Hua Chăn xã Chiềng Đông	181/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	14.900,0	13.365,0	4.865,0	373,0		5.238,0	Thiếu vốn
16	Đường bản ly Xôm xã Chiềng Sinh	19/QĐ-UBND ngày 12/5/2023	2.500,0	2.375,0		85,0		85,0	Thiếu vốn
17	Nhà văn hóa xã Pú Nhung	111/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.600,0	2.850,0	60,0	750,0		810,0	Thiếu vốn
18	Nhà văn hóa xã Chiềng Sinh	110/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	3.600,0	3.420,0	1.920,0	160,0		2.080,0	Thiếu vốn
19	Nhà văn hóa bản Muông xã Mường Thín	114/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	1.900,0	1.805,0	36,0	62,0		98,0	Thiếu vốn
20	Kiên cố hóa các điểm trường mầm non Pá Tong, Co Phát, Co Muông - trường mầm non Sao Mai	109/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	7.000,0	6.650,0	964,6	293,0		1.257,6	Thiếu vốn
21	Nhà văn hóa xã Nà Tòng	113/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.200,0	3.040,0		142,0		142,0	Thiếu vốn
22	Nhà văn hóa xã Rạng Đông	108/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	3.600,0	3.420,0		90,0		90,0	Thiếu vốn

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Vốn NSTW		Tăng	Giảm		
23	Nhà văn hóa xã Ta Ma	116/QĐ-UBND ngày 26/11/2023	3.000,0	2.850,0	850,0	140,0		990,0	Thiếu vốn
24	Đường vào khu dân cư Huổi Máu, xã Mường Khong	107/QĐ-UBND ngày 25/11/2023	14.900,0	14.900,0	7.900,0		60,0	7.840,0	Thiếu vốn
II	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		73.628,0	70.085,4	718,4	794,0	526,0	986,4	
*	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất		73.628,0	70.085,4	718,4	794,0	526,0	986,4	
1	Trường PTDTBT TH Nà Tông	189/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	14.900,0	14.155,0	290,0		252,0	38,0	Thừa vốn
2	Trường PTDTBT TH Nậm Dìn	185/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	14.900,0	14.155,0	289,0		274,0	15,0	Thừa vốn
3	Trường PTDT BT TH Bình Minh	188/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	14.028,0	13.326,0		323,0		323,0	Thiếu vốn
4	Trường PTDTBT THCS Ta Ma	187/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.900,0	14.155,0		400,0		400,0	Thiếu vốn
5	Trường PTDTBT THCS Phình Sáng	186/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.900,0	14.294,4	139,4	71,0		210,4	Thiếu vốn
III	Dự án 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		4.864,0	4.864,0	3.338,0	0,0	114,0	3.224,0	
*	Ban QLDA và Phát triển quỹ đất		4.864,0	4.864,0	3.338,0	0,0	114,0	3.224,0	
1	Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và phát triển du lịch cộng đồng bản Lồng, xã Tủa Tình	67/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	4.864,0	4.864,0	3.338,0		114,0	3.224,0	Thừa vốn